

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1227/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3833/QĐ-BYT ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ Y tế về việc thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về rà soát, đánh giá, đơn giản hóa thủ tục hành chính; xây dựng quy trình liên thông giải quyết thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 2168/TTr-SYT ngày 16 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa 15 thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế thành phố Hà Nội. *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Việt Dũng

Phụ lục**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
BẢO TRỢ XÃ HỘI VÀ PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (11 thủ tục)**1. Thủ tục hành chính 1: Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (Mã TTHC: 1.014027)***1.1. Nội dung đơn giản hoá*

+ Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

+ Lý do: các thông tin được xác thực trên các cơ sở dữ liệu.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa Điểm b, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Thủ tục hành chính nhanh chóng được giải quyết, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội (Mã TTHC: 1.013817)*2.1. Nội dung đơn giản hóa*

- Cắt giảm các thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp mà thời điểm cấp giấy chứng nhận sức khỏe tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề không quá 12 tháng.

- Lý do: Các thông tin được xác thực trên các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa khoản 4 Điều 40 Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện năm 2026.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 5.363.540 đồng/lần thực hiện

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 3.997.548 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm: 1.365.992 đồng/lần thực hiện.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,5%.

3. Thủ tục hành chính 3: Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (Mã TTHC: 1.012993)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

- Lý do: Do đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC nên có thể giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm b khoản 3 Điều 44, Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 8.091.524 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 5.748.252 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm: 2.343.272 đồng/lần thực hiện.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội (Mã TTHC: 1.012990)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

+ Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

+ Lý do: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa khoản 1, khoản 5 Điều 36 Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 4.091.976 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 2.922.840 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm: 1.169.136 đồng/lần thực hiện.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29%.

5. Thủ tục hành chính 5: Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật (Mã TTHC: 1.001806)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy phép hoạt động của cơ sở.

- Lý do: Khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

5.2. Kiến nghị thực thi:

- Ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 và Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 507.140 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 405.712 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm: 101.428 đồng/lần thực hiện.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

6. Thủ tục hành chính 6: Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng (Mã TTHC: 1.001776)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm các thành phần hồ sơ: Giấy khai sinh, căn cước công dân, giấy tờ xác nhận bị nhiễm HIV của cơ quan y tế; Giấy tờ xác nhận đang mang thai của cơ quan y tế; Giấy xác nhận khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật.

- Lý do: Khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa điểm a, khoản 1 Điều 8 và Mẫu số 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ; Mẫu số 2a, 2b,; Mẫu số 03 tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 506.140 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 381.355 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm: 124.785 đồng/lần thực hiện.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,66%.

7. Thủ tục hành chính 7: Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (Mã TTHC: 1.001731).

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Bản sao quyết định hoặc danh sách thôi hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp khác của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp người từ đủ 80 tuổi đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.

- Lý do: Khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

7.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa Điểm c khoản 3 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 456.424 đồng/lần thực hiện. - Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 356.998 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm: 99.426 đồng/lần thực hiện.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,78%.

8. Thủ tục hành chính 8: Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật (Mã TTHC: 1.001699).

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: bản sao các giấy tờ liên quan đến khuyết tật (nếu có) như: bệnh án, giấy tờ khám, điều trị, phẫu thuật hoặc các giấy tờ khác; bản sao kết luận của Hội đồng giám định y khoa...

- Lý do: các thông tin được xác thực trên các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 1.267.996 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 1.080.568 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm: 187.428 đồng/lần thực hiện.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15%.

9. Thủ tục hành chính 9: Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội (Mã TTHC: 2.000286).

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Giấy khai sinh, Bản sao Giấy xác nhận khuyết tật đối với trường hợp là người khuyết tật; Xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp bị nhiễm HIV.

- Lý do: khai thác thông tin trên các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa Điểm b, c, d khoản 2 Điều 27 và sửa đổi Mẫu số 07 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 506.140 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 356.998 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm: 149.142 đồng/lần thực hiện. - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29,47%.

10. Thủ tục hành chính 10: Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội (Mã TTHC: 2.000282)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Bản sao chứng minh thư nhân dân, căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng (nếu có).

- Lý do: khai thác thông tin trên các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

10.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa điểm b khoản 3 Điều 27 và sửa đổi Mẫu số 7 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 245.570 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 146.142 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm: 99.428 đồng/lần thực hiện.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,5 %.

11. Thủ tục hành chính 11: Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013820).

11.1 Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính

- Lý do: Thủ tục hành chính này là thủ tục hành chính nội bộ.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa Mục 1, Chương III, Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 13.104.066 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 0 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm: 13.104.066 đồng/lần thực hiện.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

II. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (04 TTHC)

1. Thủ tục hành chính 12: Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân (Mã TTHC: 1.014010).

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Giấy phép thành lập/ Giấy phép hoạt động đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

- Lý do: khai thác thông tin trên các cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa Điều b, khoản 1 Điều 40 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 613.977 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 450.256 đồng/lần thực hiện

- Chi phí tiết kiệm: 163.721 đồng/lần thực hiện

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27%.

2. Thủ tục hành chính 13: Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân (Mã TTHC: 1.014011).

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

- Lý do: khai thác thông tin trên các cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa Điểm c khoản 2 Điều 41 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 449.256 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 286.535 đồng/lần thực hiện

- Chi phí tiết kiệm: 162.721 đồng/lần thực hiện.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36%.

3. Thủ tục hành chính 14: Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân (Mã TTHC: 2.000027).

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

- Lý do: khai thác thông tin trên các cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa Điểm c khoản 2 Điều 34 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 759.698 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 488.163 đồng/lần thực hiện.

- Chi phí tiết kiệm: 271.535 đồng/lần thực hiện.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36%.

4. Thủ tục hành chính 15: Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân (Mã TTHC: 2.000025).

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: Một trong các loại giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa điểm hợp pháp, bao gồm: hợp đồng thuê hoặc mượn địa điểm có thời hạn tối thiểu phù hợp với thời gian đề nghị cấp phép; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/quyền sở hữu công trình của bên cho thuê/cho mượn.

- Lý do: khai thác thông tin trên các cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa Khoản 4, Điều 32 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm: 1.425.582 đồng/lần thực hiện.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm: 1.261.861 đồng/lần thực hiện.
- Chi phí tiết kiệm: 163.721 đồng/lần thực hiện.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11%